

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/DS - ST

Ngày: 05/3/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Lương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên, chức vụ: Kiểm sát viên.

Vào ngày 05/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 150/2023/TLST-DS ngày 03/7/2023, về việc: “Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 01/02/2024; Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 01/2024/TB-TA ngày 22/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thúy H1 (Tên gọi khác: Trần Thị Thúy H1), sinh năm 1988. Địa chỉ: Số 196, đường G, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 02, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số nhà 39, đường N, tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Tống Thị H3, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Số 196, đường G, tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2023, tại bản tự khai ngày 12/7/2023, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thuý H1 là ông Nguyễn Văn K trình bày:**

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2023, bà Nguyễn Thị H2 có vay của bà Trần Thuý H1 tổng số tiền 208.000.000 đồng, qua 4 lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 20/8/2020 âm lịch, tức là ngày 06/10/2020 (dương lịch) bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng. Thời hạn vay là 10 tháng, ngày trả nợ 06/8/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 15%/1 năm.

- Ngày 20/10/2020 bà H2 vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay là 8 tháng, ngày trả nợ 20/6/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/1 năm.

- Ngày 20/10/2020 bà H2 vay của bà H1 số tiền 48.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 tháng, ngày trả nợ 20/8/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 15%/1 năm.

- Ngày 25/2/2023 âm lịch, tức là ngày 16/3/2023 bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 100 ngày, ngày trả 26/6/2023, lãi suất hai bên thỏa thuận là 10%/1 năm.

Khi vay tiền, hai bên có xác lập hợp đồng vay, bà H2 là người viết 04 hợp đồng và ký nhận tiền dưới mục người mượn tiền của các hợp đồng vay. Từ khi vay cho đến nay, bà H2 chưa trả cho bà H1 được số tiền vay gốc và lãi suất nào. Bà H1 đã nhiều lần yêu cầu bà H2 trả nợ nhưng bà H2 không trả. Do vậy bà H1 làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H2 phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thuý H1 số tiền tiền gốc đã vay là 208.000.000 đồng và lãi suất tính 1,5%/ 1 tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử.

*** Bản tự khai ngày 17/7/2023 bà Nguyễn Thị H2 trình bày:**

Ngày 20/8/2020 tôi (H2) có vay của bà Tống Thị H3 với số tiền 100.000.000 đồng, sau lấy thêm hai chân là 46.000.000 đồng, đóng lãi hàng ngày và đã đóng được 3 tháng. Đến ngày 25/3/2022 tôi và bà H3 gặp nhau ở quán cà phê D để tính toán lãi và ghi lại giấy vay mới. Tổng số tiền ghi lại trong giấy vay mới tôi ghi cho bà H3 là 140.000.000

đồng và 45.000.000 đồng tiền lãi, bà H3 bắt tôi phải đóng cho bà H3 một ngày 600.000 đồng tiền lãi và tôi đã đóng được một tháng. Do buôn bán ế ẩm, tôi vay tiếp của bà H3 30.000.000 đồng đều đứng tên bà H3 với lãi suất 2.000 đồng/1 ngày/1.000.000 đồng. Như vậy tôi chỉ nợ tiền bà H3 chứ không nợ tiền bà Trần Thị Thuý H1, nhưng do chủ quan nên khi bà H3 đưa giấy ghi nợ, tôi chỉ ghi số tiền cần vay và ngày vay chứ không để ý, bà H3 lại cố tình đưa giấy mang tên con bà H3 là Trần Thị Thuý H1. Vì quá tin tưởng và chủ quan và do làm ăn với nhau nên khi chốt sổ ghi giấy nợ với bà H3 mà lại không lấy lại hai giấy kia cho nên xảy ra mâu thuẫn thì bà H3 đã đưa hai giấy đó để kiện tôi.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị H3 trình bày:**

Tôi là mẹ ruột của bà Trần Thuý H1, tôi và bà Nguyễn Thị H2 có mối quan hệ quen biết từ lâu, bà H2 có vay tiền tôi nhiều lần.

Bà H2 cũng có vay tiền của con gái tôi nhiều lần, tuy nhiên việc vay mượn giữa hai bên không liên quan đến nhau. Bà H2 vay tiền của ai thì viết giấy vay của người đó. Việc bà H2 vay tiền của tôi và hiện nay còn nợ tôi thì tôi khởi kiện. Việc bà H2 vay tiền của bà H1 thì bà H1 khởi kiện, không liên quan. Không có sự việc một khoản tiền vay viết bằng 02 giấy nợ và khởi kiện bằng 02 vụ án khác nhau. Do vậy tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến Tòa án lập bản tự khai, Tham gia phiên đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị H2 chỉ tham gia tố tụng lập bản tự khai, vắng mặt tại phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Căn cứ Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

- Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thuý H1 là ông Nguyễn Văn K trình bày:

Việc bà H2 cho rằng bà H2 vay tiền của bà H3 chứ không vay tiền của bà H1 nhưng do tin tưởng nên khi bà H3 yêu cầu bà H2 ghi giấy vay nợ nhưng ghi tên bà H1 nhưng bà H2 không cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự việc trên. Do vậy căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đã được giám định chữ viết, chữ ký xác định

toàn bộ các chứng cứ vay do bà H2 viết và ký nhận, bà H1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Việc vay mượn được thực hiện giữa bà H1 và bà H2, không liên quan đến chồng của bà H2, do vậy bà H1 không yêu cầu Tòa án đưa chồng bà H2 vào tham gia tố tụng và chỉ yêu cầu một mình bà H2 thực hiện nghĩa vụ trả cho bà H1 số tiền vay gốc 208.000.000 đồng và lãi suất tính 1,5%/ 1 năm đối với hợp đồng vay ngày 06/10/2020 (Số tiền vay là 30.000.000 đồng) và ngày 20/10/2020 (Số tiền vay là 48.000.000 đồng; lãi suất 10%/ 1 năm đối với các hợp đồng vay ngày 16/3/2023 (số tiền vay là 30.000.000 đồng) và ngày 20/10/2020 (Số tiền vay là 100.000.000 đồng) kể từ ngày vay đến ngày xét xử.

Ngoài ra bà H1 yêu cầu bà H2 phải trả cho bà H1 tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị H3 vắng mặt tại phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại BLTTDS; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án tham gia phiên đối chất, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa là vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thuý H1, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 số tiền vay gốc 208.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H2 phải chịu chi phí tiền giám định, chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Về hình thức:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết: Tại thời điểm bà Trần Thuý H1 khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 39, đường N, tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các hoá đơn biên nhận mượn tiền mặt do nguyên đơn bà Trần Thuý H1 cung cấp, Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS.

[1.3]. Về việc xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H2: Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 15/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-DS ngày 01/02/2024; Thông báo về việc chuyển thời gian xét xử số 01/2024/TB-TA ngày 22/02/2024 cho bị đơn bà Nguyễn Thị H2, tuy nhiên bà H2 vắng mặt không có lý do. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H2.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thuý H1 đề nghị Toà án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 số tiền vay gốc 208.000.000 đồng, HĐXX xét thấy:

Khi khởi kiện, nguyên đơn bà H1 đã cung cấp cho Toà án 04 chứng từ thể hiện việc bà Nguyễn Thị H2 đã vay của bà H1 tổng số tiền 208.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 06/10/2020, bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 tháng, ngày trả nợ 06/8/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/1 năm.

- Ngày 20/10/2020, bà H2 vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 8 tháng, ngày trả nợ 20/6/2021, hợp đồng không ghi lãi suất, tuy nhiên các đương sự xác nhận có thỏa thuận lãi suất nhưng không thống nhất mức lãi suất là bao nhiêu %/1 tháng.

- Ngày 20/10/2020, bà H2 vay của bà H1 số tiền 48.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 tháng, ngày trả nợ 20/8/2021, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/1 năm.

- Ngày 16/3/2023, bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn vay 100 ngày, ngày trả 26/6/2023, hợp đồng không ghi lãi suất, tuy nhiên các đương sự xác nhận có thỏa thuận lãi suất nhưng không thống nhất mức lãi suất là bao nhiêu %/1 tháng.

Tuy nhiên do trong bản tự khai, bà H2 cho rằng bà H2 chỉ vay tiền của bà Tống Thị H3 chứ không vay tiền của bà H1 và số tiền vay không phải là 208.000.000 đồng. Mặc dù khai như trên, nhưng khi Tòa án triệu tập bà H2 đến Tòa án để đối chất, công khai chứng cứ làm rõ lời khai của bà H2 thì bà H2 vắng mặt, bà H2 cũng không cung cấp các chứng cứ để chứng minh việc bà H2 không vay tiền của bà H1. Để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án, ngày 28/8/2023 Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 16/2023/QĐ-TCGD với các nội dung: Trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thực hiện giám định:

“1.1 Nguyễn Thị H2, k4 T2 Phước An, 241033957, 0989990828, 30.000.000đ, (ba mươi triệu đồng chẵn, buôn bán, 25/2/2023 ÂL, 100 ngày, 100” và chữ ký, chữ viết: “Nguyễn Thị H2” phía bên góc phải từ dưới lên, trong giấy hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt đề ngày 25/2/2023 ÂL. Giữa người cho mượn tiền là bà Trần Thị Thúy H1; Người mượn tiền bà Nguyễn Thị H2.

1.2 Nguyễn Thị H2, k4 T2 Phước An, 0989990828, 30.000.000đ, (ba mươi triệu, buôn bán, 1,5%/năm, 20/8 ÂL/20, Sẽ trả đâu trong vòng 10 tháng là Hết, Đã nhận đủ số tiền trên” và chữ ký, chữ viết: “Nguyễn Thị H2” phía bên góc phải từ dưới lên, trong giấy hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt đề ngày 20/8 ÂL/20. Giữa người cho mượn tiền là bà Trần Thị Thúy H1; Người mượn tiền bà Nguyễn Thị H2.

1.3 Ng~ Thị H2, k4 T2 Phước An, 0989990828, 100.000.000đ, một trăm triệu đồng chẵn, buôn bán, 20/10/20, trả dần Hàng tháng 12 triệu trả trong vòng, 8 tháng, Đã nhận đủ tiền” và chữ ký, chữ viết: “Ng~ Thị H2” phía bên góc phải từ dưới lên, trong giấy hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt đề ngày 20/10/20. Giữa người cho mượn tiền là bà Trần Thị Thúy H1; Người mượn tiền bà Nguyễn Thị H2.

1.4 Ng~ Thị H2, k4 T2 Phước An, 0989990828, 48.000.000đ, bốn mươi tám triệu, 1,5% trên năm, 20/10/20, 10 tháng Hết, Đã nhận đủ số tiền” và chữ ký, chữ viết: “Ng~ Thị H2” phía bên góc phải từ dưới lên, trong giấy hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt đề ngày 20/10/20. Giữa người cho mượn tiền là bà Trần Thị Thúy H1; Người mượn tiền bà Nguyễn Thị H2.

Và chữ ký và chữ viết “Nguyễn Thị H2” dưới mục người nhận trong biên bản giao nhận ngày 06/7/2023 và ngày 11/8/2023; Bản tự khai ngày 17/7/2023 do Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk thu thập có phải do một người viết ra hay không?”

Bản kết luận giám định số 1133/KL-KTHS ngày 26/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: “Chữ viết phần nội dung và chữ ký chữ viết mang tên Nguyễn Thị H2 dưới mục người mượn tiền trên các tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H2 trên tài liệu mẫu so sánh kí hiệu từ M1 đến M3 là do cùng một người ký và viết ra”.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thuý H1 là ông Nguyễn Văn K, bản kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk số 1133/KL-KTHS ngày 26/9/2023, HĐXX xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh: Ngày 20/8/2020 âm lịch (ngày 06/10/2020 dương lịch) bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 20/10/2020 bà H2 vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 20/10/2020 bà H2 vay của bà H1 số tiền 48.000.000 đồng và ngày 25/2/2023 âm lịch (ngày 16/3/2023 dương lịch) bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng. Tổng cộng bốn lần vay là 208.000.000 đồng. Khi vay hai bên có xác lập hợp đồng vay, bà H2 là người trực tiếp viết 04 hợp đồng, ký và viết tên Nguyễn Thị H2 dưới mục người mượn tiền. Hạn cuối trả số tiền trên vào tháng 8 năm 2021 và ngày 26/6/2023. Tuy nhiên đến hạn trả nợ, bà H2 không trả cho bà H1 số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác”.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thuý H1 là có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thuý H1, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 số tiền nợ gốc 208.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét yêu cầu tính lãi suất:

- Đối với hai hợp đồng vay không ghi lãi suất: Xét thấy các chứng từ ngày ngày 25/02/2023 âm lịch (ngày 16/3/2023 dương lịch) bà H2 vay của bà H1 số tiền 30.000.000 đồng thời hạn trả ngày 26/6/2023 và chứng từ vay ngày 20/10/2020 bà H2 vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng thời hạn trả ngày 20/6/2021. Trong hoá đơn biên nhận mượn tiền không ghi lãi suất, Nguyên đơn bà H1 cho rằng hai bên thoả thuận mức lãi

suất cho vay là 1,5%/ 1 tháng, tuy nhiên trong bản tự khai bà H2 cho rằng lãi suất đóng theo ngày. Như vậy, bà H1 và bà H2 đều thừa nhận có thoả thuận về lãi suất nhưng không thống nhất lãi suất cho vay của hai chứng từ trên là bao nhiêu %. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS thì: “Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Theo quy định của điều luật viện dẫn nêu trên, mức lãi suất HĐXX áp dụng để tính lãi đối với hai chứng từ nói trên là $20\%/1 \text{ năm} : 2 = 10\%/ 1 \text{ năm}$. Tại phiên toà ông Khánh yêu cầu HĐXX tính lãi suất 10%/ 1 năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy mức lãi suất trên phù hợp với quy định nên HĐXX chấp nhận, cụ thể:

+ Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng: Vay ngày 16/3/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2024 là 349 ngày. Mức lãi suất được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/ 1 \text{ năm} \times 349 \text{ ngày} : 365 = 2.868.493 \text{ đồng}$.

+ Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng: Vay ngày 20/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2024 là 1.230 ngày. Mức lãi suất được tính như sau: $100.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/ \text{năm} \times 1.230 \text{ ngày} : 365 = 33.698.630 \text{ đồng}$.

- Đối với hai hợp đồng vay thoả thuận lãi suất 1,5%/ 1 năm: Hai bên thoả thuận lãi suất trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà ông Khánh đề nghị HĐXX tính lãi 1,5%/ 1 năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2024 nên HĐXX chấp nhận, cụ thể:

+ Đối với số tiền vay 30.000.000 đồng: Vay ngày 6/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2024 là 1.244 ngày. Mức lãi suất được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/ \text{năm} \times 1.244 \text{ ngày} : 365 = 1.533.698 \text{ đồng}$.

+ Đối với số tiền vay 48.000.000 đồng: Vay 20/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 5/3/2024 là 1.230 ngày. Mức lãi suất được tính như sau: $48.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/ 1 \text{ năm} \times 1.230 \text{ ngày} : 365 = 2.426.301 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi suất của 04 hợp đồng vay là: 40.527.000 đồng (Làm tròn số)

Như vậy, tổng số tiền vay gốc và lãi suất HĐXX buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 là 248.527.000 (Làm tròn số) đồng. (Hai trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

[2.3]. Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị H2 tại bản tự khai ngày 17/7/2023 (bút lục số 26) cho rằng: Bà H2 không vay tiền của bà H1 mà chỉ vay tiền của bà Tống Thị H3, tổng số tiền vay là 146.000.000 đồng. Đến ngày 25/3/2022 bà H2 và bà H3 gặp nhau ở

quán cà phê D để tính toán lãi và ghi lại giấy vay mới. Tổng số tiền ghi lại giấy vay mới bà H2 ghi cho bà H3 là 140.000.000 đồng và 45.000.000 đồng tiền lãi, nhưng do không để ý nên bà H3 đã bắt bà H2 ghi nhận nợ của bà H1, sau đó để cho bà H1 khởi kiện, do vậy bà H2 đã làm đơn tố cáo bà Trần Thuý H1 và bà Tống Thị H3, đề nghị xem xét hành vi phạm tội của bà H3 và chị H1 theo quy định, HĐXX thấy:

Toà án nhân dân huyện Krông Pắc đã triệu tập bà H2 đến Tòa án tham gia phiên đối chất làm rõ các nội dung: “Số tiền con mượn của cô H3 sẽ được trả dần theo tháng 12tr/1 tháng đến đủ số tiền trên, nếu không trả 1 tháng cô H3 có quyền thu hồi vốn, Nguyễn Thị H2” được ghi ở mặt sau của hóa đơn biên nhận mượn tiền mặt (Bút lục số 49) và nội dung: “số tiền nợ của cô H3 con sẽ trả theo tháng, mỗi tháng 12.000.000 đồng từ ngày 20/10 trở đi. Nếu 1 tháng không trả cho cô H3 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền cùng lãi 1 lần cho cô H3 gốc, Nguyễn Thị H2” được ghi ở mặt sau của hoá đơn biên nhận mượn tiền mặt (Bút lục số 48) có liên quan đến các chứng từ vay giữa bà H1 và bà H2 đã ký kết với nhau hay không. Tuy nhiên bà H2 không đến Tòa án tham gia phiên đối chất, bà H2 không cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Như vậy bà H2 đã từ chối thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 72 của BLTTDS.

Để có cơ sở giải quyết đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thuý H1, ngày 16/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã chuyển đơn tố cáo của H2 về việc bà Trần Thuý H1 và bà Tống Thị H3 đã có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H2 thông qua các hợp đồng vay đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc để được giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 12/12/2023 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đã ra Công văn số 1365/CV-CSHS, nội dung thể hiện: “Đối với việc bà Nguyễn Thị H2 tố giác bà Tống Thị H3 và bà Trần Thuý H1 (Trần Thị Thuý H1) cấu kết với nhau có hành vi gian dối, lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà H2 là không có căn cứ”. Như vậy, việc bà H2 trình bày tại bản tự khai ngày 17/7/2023 (bút lục số 26) là không có căn cứ để xem xét.

[3]. Về chi phí tố tụng giám định chữ ký, chữ viết: Do bà Nguyễn Thị H2 không tham gia tố tụng, để có cơ sở pháp lý giải quyết vụ án nên ngày 28/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc trưng cầu giám định chữ ký chữ viết của Nguyễn Thị H2 trong 04 hợp đồng vay. Tổng số tiền chi phí cho việc giám định là 6.670.000 đồng, số tiền này bà Trần Thuý H1 đã nộp và Tòa án đã chi trả. Theo quy định tại khoản 2 Điều 161 BLTTDS thì bà Nguyễn Thị H2 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng giám định chữ ký, chữ

viết. Từ những phân tích trên, HĐXX buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 số tiền 6.670.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Do HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thuý H1, căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H2 phải chịu phải chịu 12.426.000 đồng (Làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm theo mức là 248.527.000 đồng x 5% = 12.426.000 đồng.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thuý H1 số tiền 6.542.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2022/0003175 ngày 23/6/2023.

[5] Xét quan điểm đề nghị của đại diện viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên Toà là có căn cứ, đúng pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của bộ luật dân sự 2015.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thuý H1.

[1] Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 tổng số tiền 248.527.000 đồng (Hai trăm bốn mươi tám triệu, năm trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Trong đó: Tiền vay gốc 208.000.000 đồng, tiền lãi suất là 48.527.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về chi phí giám định: Buộc bà Nguyễn Thị H2 phải trả cho bà Trần Thuý H1 số tiền 6.670.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

[3] Về án phí: Bị đơn bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 12.426.000 đồng (Mười hai triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Trần Thuý H1 số tiền 6.542.000 đồng (Sáu triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2022/0003175 ngày 23/6/2023.

[4] Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn bà Trần Thuý H1, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Tống Thị H3 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hành án DS huyện Krông Pắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

Trương Quang Vinh